

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2026/KDTM-PT
Ngày: 30/3/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Đoàn Trang

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 72/2025/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2025 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 207/2025/KDTM-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1371/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trụ sở: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà G, 36 đường H, phường O, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Công S, sinh năm 1989.

Nơi làm việc: 18 đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P.

Trụ sở: 29D Đường X, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: 919 – Chung cư 21 Tầng DII, I, TT C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 441/14/23 đường B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: 919 – Chung cư 21 Tầng DII, I, TT C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 441/14/23 đường B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Công S trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P (sau đây gọi tắt là Công ty P) ký Hợp đồng tín dụng số: 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015. Công ty P ký Giấy nhận nợ số 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015 số tiền là 630.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô con, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson 2.0 AT. Thời hạn vay từ ngày 13/7/2015 đến ngày 13/7/2020, lãi suất vay là 7,5%/năm trong 12 tháng đầu, sau thời gian ưu đãi lãi suất được áp dụng theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, Công ty P và Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp xe số: 039/15/TC/IV ngày 13/7/2015, tài sản thế chấp là xe loại: ô tô con, màu sơn: trắng, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson 2.0 AT mới 100%, năm sản xuất 2014, số khung: KMHJU81EBFU033523, số máy: G4NAEU503274, biển số: 51F-267.09, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081783 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty P ngày 10/7/2015. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 13/7/2015.

Ngoài ra, ông Phạm Văn H ký Cam kết bảo lãnh (áp dụng cho cá nhân bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn) ngày 13/7/2015 để bảo đảm số nợ của Công ty P theo Hợp đồng tín dụng số: 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015 giữa Ngân hàng và Công ty P. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo nhắc nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo thu hồi nợ trước hạn... nhưng Công ty P vẫn không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:

1. Buộc Công ty P thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/7/2025 là 1.382.787.104 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 432.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 101.380.591 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 849.406.513 đồng.

2. Rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe loại: ô tô con, màu sơn: trắng, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson 2.0 AT mới 100%, năm sản xuất 2014, số khung: KMHJU81EBFU033523, số máy: G4NAEU503274, biển số: 51F-267.09, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081783 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty P ngày 10/7/2015 theo Hợp đồng thế chấp xe số: 039/15/TC/IV ngày 13/7/2015. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 13/7/2015.

3. Buộc Công ty P phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy xác nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ.

4. Nếu đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà Công ty P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì ông Phạm Văn H phải thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty P theo Cam kết bảo lãnh ngày 13/7/2015 đã ký cho đến thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P, có đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn H trình bày:

Ông Phạm Văn H thống nhất với trình bày của đại diện Ngân hàng về quá trình ký Hợp đồng tín dụng số: 039/15/TC/IV ngày 13/7/2015, Hợp đồng thế chấp xe số: 039/15/TC/IV ngày 13/7/2015 giữa Ngân hàng và Công ty P.

Công ty P đứng tên mua giùm xe cho ông Nguyễn Tiến L. Ông L đã ký cam kết với Công ty P thanh toán toàn bộ tiền mua xe và tiền lãi phát sinh cho Công ty P để trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015. Ông Nguyễn Tiến L đã ký nhận xe và sử dụng xe ô tô từ ngày 24/7/2015 đến nay.

Ông Phạm Văn H đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Tiến L thanh toán tiền cho Công ty P để Công ty P thanh toán lại cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015 tạm tính đến ngày 29/7/2025 theo đại diện nguyên đơn trình bày. Ông H không đồng ý Tòa án tách hồ sơ vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp sở hữu tài sản vì hợp đồng thế chấp phải đi kèm với hợp đồng tín dụng không được tách rời. Ông H yêu cầu phát mãi xe ô tô biển số 51F-267.09 để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số: 039/15/TC/IV ngày 13/7/2015.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H trình bày:

Ông Phạm Văn H không đồng ý Cam kết bảo lãnh (áp dụng cho cá nhân bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn) ngày 13/7/2015 để bảo đảm khoản vay của Công ty P theo Hợp đồng tín dụng số: 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015. Ông H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trang đầu của bản cam kết không có chữ ký, văn bản không đánh số thứ tự và mẫu cam kết là văn bản không có giá trị pháp lý.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 207/2025KDTM-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 và các quyết định sửa chữa bổ sung sung bản án đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2025 là 1.382.787.104 (một tỷ ba trăm tám mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn một trăm lẻ bốn đồng), trong đó nợ gốc của khoản vay: 432.000.000 (bốn trăm ba mươi hai triệu đồng), nợ lãi trên gốc trong hạn: 101.380.591 (một trăm lẻ một triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm chín mươi một đồng), nợ lãi trên gốc quá hạn: 849.406.513 (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P.

1.2 Đình chỉ yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là xe loại: ô tô con, màu sơn: trắng, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson 2.0 AT mới 100%, năm sản xuất 2014, số khung: KMHJU81EBFU033523, số máy: G4NAEU503274, biển số: 51F-267.09, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081783 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty P ngày 10/7/2015 theo Hợp đồng thế chấp xe số: 039/15/TC/IV ngày 13/7/2015.

1.3 Buộc ông Phạm Văn H thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P nếu khi đến thời hạn mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo Cam kết bảo lãnh (áp dụng cho cá nhân bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn) ngày 13/7/2015 của ông Phạm Văn H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lệ phí, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5 nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn H đối với một phần bản án sơ thẩm về việc Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn đối buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm theo Cam kết bảo lãnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông H trình bày: Với tư cách là đại diện pháp luật của Công ty P ông đồng ý với Bản án sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ của Công ty P cho Ngân hàng A. Tuy nhiên, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông kháng cáo phần Bản án sơ thẩm về việc đã buộc trách nhiệm thanh toán nợ thay theo Cam kết bảo lãnh là không đúng quy định vì 3 lý do sau:

Ông không hề biết bản cam kết này, chỉ đến khi ra tòa ông mới được tiếp cận tờ Cam kết bảo lãnh nêu trên. Mặc dù ông xác nhận chữ ký của ông trong tờ Cam kết bảo lãnh nhưng văn bản này không có giá trị vì không được đóng dấu giáp lai, không có chữ ký ông ở mặt trước của văn bản. Tại phần đầu văn bản ghi theo mẫu nhưng không biết mẫu nào. Ngoài ra, văn bản còn không có số thứ tự là không đúng quy định. Ông cũng cho rằng không có cơ sở nào mà ông lại ký văn bản Cam kết bảo lãnh bởi lẽ trong hồ sơ tín dụng tại Ngân hàng có đến 3 cam kết của ông L là người thực tế sử dụng tài sản vay là chiếc xe ô tô. Công ty P chỉ là pháp nhân đứng tên giùm trên giấy đăng ký xe. Ông L ký giấy cam kết tại ngân hàng.

Đại diện nguyên đơn, Ngân hàng A trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, y án sơ thẩm. Các ý kiến của Ông H, Ngân hàng không đồng ý. Ngân hàng không biết ông L là ai. Mặc dù bản Cam kết bảo lãnh do Ngân hàng soạn thảo nhưng Ông H đã ký và phải chịu trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt

các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 29/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5 xét xử và ban hành Bản án số 207/2025/KDTM-ST. Ngày 18/9/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 5 mới thực hiện tổng đạt quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án cho ông Phạm Văn H. Ngày 19/9/2025 Ông H làm đơn kháng cáo và gửi cho tòa nhận được vào ngày 22/9/2025. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông H là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là Công ty TNHH Điện ảnh P, có địa chỉ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đối với nội dung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện cam kết bảo lãnh. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã hiểu không chính xác lời khai của ông về việc xác nhận có bản cam kết bảo lãnh ký ngày 13/7/2015. Ông cho rằng thực tế ông có ký vào mặt sau của tờ cam kết bảo lãnh này nhưng tờ cam kết này do ngân hàng soạn sẵn, ông không biết nội dung của mặt trước. Mặt trước tờ cam kết không có chữ ký của ông nên văn bản này không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử xét thấy, tờ “Cam kết bảo lãnh” đề ngày 13/7/2015 có nội dung đánh máy hai mặt, phần người bảo lãnh có chữ ký và ghi rõ họ tên của Ông H. Nội dung cam kết là bảo lãnh cá nhân của Ông H đối với nghĩa vụ của Công ty TNHH Điện ảnh P trong hợp đồng tín dụng số 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015. Ông H không chỉ là cá nhân đứng ra cam kết bảo lãnh mà còn là đại diện pháp luật của Công ty Điện ảnh P. Ông H có biết và có nghĩa vụ phải biết khi ký kết các văn bản do mình tạo lập hoặc giao kết theo quy định tại khoản 3 Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lập luận của Ông H cho rằng ông vô tình ký vào mặt sau của Cam kết bảo lãnh mà không biết nội dung của mặt trước là không phù hợp

với thực tế diễn biến của giao dịch tín dụng giữa Công ty Điện ảnh P do ông là đại diện pháp luật và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nêu trên, không phải là căn cứ để tuyên hủy bỏ giao dịch. Ông H phải chịu trách nhiệm về hành vi xác lập giao dịch, cam kết của mình. Cấp sơ thẩm buộc Ông H chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng theo Cam kết bảo lãnh nêu trên trong trường hợp Công ty P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 335 và 336 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích ở trên, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn H là không có cơ sở để chấp nhận. Ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí:

Do bác kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, Ông H sinh năm 1965 nên được xem xét miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 244, Điều 264, Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);
- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 3 Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 335, Điều 336 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 207/2025/KDTM-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2025

là 1.382.787.104 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn một trăm lẻ bốn đồng), trong đó nợ gốc của khoản vay: 432.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu đồng), nợ lãi trên gốc trong hạn: 101.380.591 đồng (một trăm lẻ một triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm chín mươi một đồng), nợ lãi trên gốc quá hạn: 849.406.513 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P.

1.2 Đình chỉ yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là xe loại: ô tô con, màu sơn: trắng, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson 2.0 AT mới 100%, năm sản xuất 2014, số khung: KMHJU81EBFU033523, số máy: G4NAEU503274, biển số: 51F-267.09, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081783 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty P ngày 10/7/2015 theo Hợp đồng thế chấp xe số: 039/15/TC/IV ngày 13/7/2015.

1.3 Buộc ông Phạm Văn H thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P nếu khi đến thời hạn mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo Cam kết bảo lãnh (áp dụng cho cá nhân bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn) ngày 13/7/2015 của ông Phạm Văn H.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đã nộp đủ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 53.483.613 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm mười ba đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 13.907.000 đồng (mười ba triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0042396 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Phạm Văn H được miễn án phí.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 039/15/TD/IV ngày 13/7/2015 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện ảnh P.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 5 Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai